

GÓP PHẦN NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG CÂY THUỐC THUỘC NGÀNH NGỌC LAN (Magnoliophyta) Ở VÙNG BÃI BỒI VEN BIỂN HUYỆN KIM SƠN, TỈNH NINH BÌNH

NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG

Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình

TRẦN THẾ BÁCH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn thuộc địa phận tỉnh Ninh Bình. Cho đến nay có rất ít những nghiên cứu về đa dạng cây thuốc ở đây. Việc điều tra, nghiên cứu đa dạng cây thuốc có ý nghĩa quan trọng cả về khoa học và thực tiễn nhằm cung cấp những dẫn liệu mới và cơ bản, góp phần bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên của vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu theo “*Các phương pháp nghiên cứu thực vật*” của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Tập hợp các tài liệu, nhập dữ liệu, phân tích số liệu bằng chương trình Microsoft Access.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) tại vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

1.1. Đa dạng lớp (2 lớp)

Bảng 1

So sánh số họ, chi, loài của 2 lớp thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) được dùng làm thuốc tại bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Lớp	Số loài	Số chi	Số họ
Magnoliopsida (Dicotyledones)	250	206	70
Liliopsida (Monocotyledones)	43	34	11
Tổng số	293	240	81

Trong 293 loài cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có 70 họ, 206 chi, 250 loài chiếm 85% tổng số loài cây thuốc ở Kim Sơn thuộc ngành Ngọc lan; lớp Hành (Liliopsida) có 11 họ, 34 chi, 43 loài chiếm 15% tổng số loài cây thuốc ở Kim Sơn thuộc ngành Ngọc lan.

Bảng 2

Các họ có nhiều loài nhất ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) được dùng làm thuốc tại bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

TT	Họ	Số loài	%	TT	Họ	Số loài	%
1	Asteraceae	26	8,87	7	Caesalpiniaceae	9	3,07
2	Euphorbiaceae	20	6,83	8	Brassicaceae	8	2,73
3	Fabaceae	14	4,78	9	Solanaceae	8	2,73
4	Liliaceae	13	4,44	10	Lamiaceae	8	2,73
5	Poaceae	12	4,1	11	Moraceae	8	2,73
6	Rutaceae	10	3,41	Tổng số		136	46,42

1.2. Đa dạng họ (81 họ)

Họ nhiều loài cây thuốc nhất tại nơi nghiên cứu là họ Cúc (Asteraceae) có 26 loài, chiếm 8,87% tổng số loài cây thuốc. Tiếp đến là họ Rau dền (Euphorbiaceae) có 20 loài chiếm 6,83% tổng số loài cây thuốc. Các họ khác có ít hơn 20 loài. Tổng số loài của 11 họ nhiều loài nhất là 136 loài, chiếm 46,42% tổng số loài làm thuốc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta).

1.3. Đa dạng chi (240 chi)

Chi có nhiều loài cây thuốc nhất ở huyện Kim Sơn là *Allium* có 6 loài (chiếm 2% tổng số loài cây thuốc), tiếp theo là chi *Brassica* với 5 loài (chiếm 1,5%), các chi *Solanum*, *Ficus*, *Ipomoea* mỗi chi có 4 loài, các chi *Elsholtzia*, *Hibiscus*, *Cyperus*, *Clerodendrum*, *Mallotus*, *Chrysanthemum*, *Citrus* mỗi chi có 3 loài, các chi còn lại chỉ có 1, 2 loài.

2. Một số nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc

Các loài cây thuốc tại bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình được đánh giá tiềm năng chữa trị trên 16 nhóm bệnh (bảng 3).

Bảng 3

Các nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc tại bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

TT	Tên bệnh	Số họ	Số loài	TT	Tên bệnh	Số họ	Số loài
1	Rắn cắn	32	63	9	Giải độc	10	15
2	Thấp khớp	26	47	10	Viêm não	4	5
3	Tim mạch, huyết áp	14	22	11	Bại liệt	4	4
4	Sốt rét	18	20	12	An thần	4	4
5	Viêm gan	14	17	13	Xơ gan	3	3
6	Tiểu đường	15	16	14	Ung thư	3	3
7	Tử	15	16	15	Vô sinh	2	2
8	Hen suyễn	13	15	16	Xuất huyết não	2	2

- *Các loài có tiềm năng chữa rắn cắn*: Có 63 loài thuộc 32 họ trong đó nhiều loài nhất là họ Convolvulaceae và Fabaceae mỗi họ có 5 loài; tiếp theo là các họ Asteraceae, Brassicaceae, Solanaceae mỗi họ có 4 loài; các họ Amaranthaceae, Lamiaceae, Malvaceae, mỗi họ có 3 loài; 8 họ có 2 loài là: Anacardiaceae, Apiaceae, Araceae, Euphorbiaceae, Meliaceae, Moraceae, Nyctaginaceae, Sterculiaceae mỗi họ có 2 loài; các họ chỉ có 1 loài là Apocynaceae, Basellaceae, Bignoniaceae, Cactaceae, Costaceae, Lecythidaceae, Menispermaceae, Nymphaeaceae, Onagraceae, Orchidaceae, Oxalidaceae, Poaceae, Saururaceae, Scrophulariaceae, Theaceae, Verbenaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp*: Có 47 loài thuộc 26 họ trong đó 4 họ nhiều loài nhất là Asteraceae, Lamiaceae, Poaceae, Verbenaceae mỗi họ có 4 loài; họ Apiaceae có 3 loài, các họ Brassicaceae, Convolvulaceae, Cucurbitaceae, Fabaceae, Malvaceae, Rubiaceae, Solanaceae mỗi họ có 2 loài; 14 họ còn lại mỗi họ chỉ có 1 loài là Amaranthaceae, Anacardiaceae, Boraginaceae, Caesalpiniaceae, Capparaceae, Caprifoliaceae, Combretaceae, Flacourtiaceae, Liliaceae, Meliaceae, Mimosaceae, Moraceae, Salicaceae, Zingiberaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh về tim mạch, huyết áp*: Có 22 loài thuộc 14 họ trong đó họ Asteraceae có 5 loài; 4 họ có 2 loài là Amaranthaceae, Fabaceae, Poaceae, Verbenaceae; 9 họ có 1 loài là: Apiaceae, Caesalpiniaceae, Ebenaceae, Mimosaceae, Moraceae, Myrtaceae, Nelumbonaceae, Oxalidaceae, Solanaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh sốt rét*: Có 20 loài thuộc 18 họ trong đó 2 họ nhiều loài nhất là họ Caesalpiniaceae và Sterculiaceae mỗi họ có 2 loài; 16 họ mỗi họ có 1 loài là Amaranthaceae, Arecaceae, Asteraceae, Caricaceae, Convolvulaceae, Cucurbitaceae, Cyperaceae, Lauraceae, Malvaceae, Mimosaceae, Oxalidaceae, Piperaceae, Salicaceae, Solanaceae, Verbenaceae, Zingiberaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh viêm gan*: Có 17 loài thuộc 14 họ trong đó 3 họ nhiều loài nhất là Asteraceae, Poaceae, Verbenaceae mỗi họ có 2 loài; 11 họ mỗi họ có 1 loài là: Bignoniaceae, Brassicaceae, Malvaceae, Mimosaceae, Oxalidaceae, Pandanaceae, Plantaginaceae, Rosaceae, Rubiaceae, Rutaceae, Scrophulariaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh tiểu đường*: Có 16 loài thuộc 15 họ trong đó có họ Convolvulaceae có 2 loài; 14 họ có 1 loài là: Asteraceae, Brassicaceae, Cucurbitaceae, Cyperaceae, Lauraceae, Moraceae, Myrtaceae, Nyctaginaceae, Oxalidaceae, Poaceae, Rosaceae, Rubiaceae, Sapindaceae, Solanaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh trĩ*: Có 16 loài thuộc 15 họ trong đó họ Solanaceae có 2 loài; 14 họ mỗi họ có 1 loài là Araceae, Amaranthaceae, Asteraceae, Cactaceae, Capparaceae, Convolvulaceae, Crassulaceae, Fabaceae, Liliaceae, Nelumbonaceae, Nymphaeaceae, Portulacaceae, Rutaceae, Sterculiaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh hen suyễn*: Có 15 loài thuộc 13 họ trong đó họ có nhiều loài nhất là Solanaceae có 3 loài; 12 họ mỗi họ chỉ có 1 loài là: Amaranthaceae, Asteraceae, Brassicaceae, Chenopodiaceae, Meliaceae, Mimosaceae, Nyctaginaceae, Passifloraceae, Plantaginaceae, Piperaceae, Scrophulariaceae, Rutaceae.

- *Các loài có tiềm năng giải độc*: Có 15 loài thuộc về 10 họ trong đó 2 họ nhiều loài nhất là Fabaceae và Scrophulariaceae mỗi họ có 3 loài; họ Verbenaceae có 2 loài; 7 họ mỗi họ có 1 loài là: Apiaceae, Asteraceae, Basellaceae, Commelinaceae, Crassulaceae, Myrtaceae, Poaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh viêm não*: Có 5 loài thuộc 4 họ trong đó họ Rutaceae có 2 loài; 3 họ có 1 loài là Asteraceae, Fabaceae, Verbenaceae.

- *Các loài có tiềm năng chữa bệnh bại liệt*: Có 4 loài có tiềm năng chữa bệnh bại liệt thuộc về các họ Lamiaceae, Rutaceae, Sterculiaceae, Verbenaceae.

- Các loài có tiềm năng giúp an thần: Có 4 loài thuộc 4 họ: Fabaceae, Menispermaceae, Nelumbonaceae, Passifloraceae.

- Các loài có tiềm năng chữa bệnh xơ gan: Có 3 loài thuộc 3 họ là Costaceae, Moraceae, Pandanaceae.

- Các loài có tiềm năng chữa bệnh ung thư: Có 3 loài thuộc 3 họ: Apiaceae, Brassicaceae, Solanaceae.

- Các loài có tiềm năng chữa bệnh vô sinh: Có 2 loài thuộc 2 họ Cuscutaceae, Rosaceae.

- Các loài có tiềm năng chữa xuất huyết não: Có 2 loài thuộc 2 họ Caesalpiniaceae, Fabaceae.

3. Các loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007)

Ba loài được ghi nhận có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó 1 loài ở thứ hạng EN (Nguy cấp) là *Elsholtzia communis* (Coll. et Hemsl.) Diels (họ Lamiaceae) và 2 loài ở thứ hạng VU (Sẽ nguy cấp) là *Canthium dicoccum* (Gaertn.) Teysm. & Binn. (họ Rubiaceae), *Chukrasia tabularis* A. Juss. (họ Meliaceae).

III. KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đa dạng cây thuốc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) tại vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cho kết luận sau:

- 293 loài cây thuốc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) được ghi nhận tại vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình thuộc 240 chi, 81 họ, 2 lớp.

Trong 293 loài cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có 70 họ, 206 chi, 250 loài chiếm 85% tổng số; lớp Hành (Liliopsida) có 11 họ, 34 chi, 43 loài chiếm 15% tổng số

- Họ nhiều loài cây thuốc nhất là họ Cúc (Asteraceae) có 26 loài, chiếm 8,87% tổng số loài cây thuốc. Tiếp đến là họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) có 20 loài chiếm 6,83% tổng số loài cây thuốc. Các họ khác có ít hơn 20 loài.

- Chi nhiều loài nhất là *Allium* có 6 loài, chiếm 2% tổng số. Tiếp theo là chi *Brassica* với 5 loài chiếm 1,5% tổng số. Các chi còn lại có ít hơn 5 loài.

- Các loài đã được đánh giá tiềm năng chữa trị trên 16 nhóm bệnh. 63 loài có tiềm năng chữa rắn cắn, 47 loài có tiềm năng chữa thấp khớp, 22 loài có tiềm năng chữa bệnh tim mạch, huyết áp, 20 loài có tiềm năng chữa sốt rét, 17 loài có tiềm năng chữa viêm gan, 16 loài có tiềm năng chữa tiểu đường, 16 loài có tiềm năng chữa bệnh trĩ, 15 loài có tiềm năng giải độc, 15 loài có tiềm năng chữa hen suyễn, 5 loài có tiềm năng chữa viêm não, 4 loài có tiềm năng chữa bệnh an thần, 4 loài có tiềm năng chữa bại liệt, 3 loài có tiềm năng chữa ung thư, 3 loài có tiềm năng chữa Xơ gan, 2 loài có tiềm năng chữa Vô sinh, 2 loài có tiềm năng chữa Xuất huyết não.

- Ba loài được ghi nhận có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó 1 loài ở thứ hạng EN (Nguy cấp) và 2 loài ở thứ hạng VU (Sẽ nguy cấp).

Lời cảm ơn: Các tác giả xin cảm ơn đề tài "Điều tra đánh giá các loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cần được ưu tiên bảo vệ nhằm tu chỉnh Sách Đỏ Việt Nam" mã số ĐTDL.2011-G/23" và dự án "Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên) và cs., 2003-2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, tập 3.
2. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Đông, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mãn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn, 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc. NXB. KHKT, Hà Nội, tập 1: 381-382, tập 2: 220-222, 1028.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, Phần II-Thực vật. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
4. Võ Văn Chi, 1997. Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học.
5. Võ Văn Chi, Trần Hợp, 2000. Cây cỏ có ích. NXB. Giáo dục.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

**CONTRIBUTION FOR RESEARCH ON DIVERSITY OF MEDICINAL PLANTS
OF Magnoliophyta IN THE COASTAL WARP OF KIM SON DISTRICT,
NINH BINH PROVINCE**

NGUYEN THI MAI PHUONG, TRAN THE BACH

SUMMARY

There are 2 classes, 81 families, 240 genera and 293 medicinal species of Magnoliophyta distributing in the coastal alluvial plain of Kim Son district, Ninh Binh province. Among them, the Asteraceae family makes up the majority of medicinal flowering species (with 26 species, accounts for 8.87% of total medicinal flowering plants); while each of other families has less than 25 species. The genus *Allium* comprises 6 species (2% of total medicinal flowering plants); each of other genera comprises less than 6 species. 63 species can be used to treat snakebites, 47 species can be used to treat rheumatism, 22 species can be used to treat diseases of heart, pulse & blood pressure, 20 species can be used to treat malaria, 17 species can be used to treat hepatitis, 16 species can be used to treat diabetes, 16 species can be used to treat haemorrhoids, 15 species can be used to detoxicate, 15 species can be used to treat asthma, 5 species can be used to treat encephalitis, 4 species can be used to make tranquilizer, 4 species can be used to treat paralytic, 3 species can be used to treat cancer, 2 species can be used to treat sterile, 3 species can be used to treat cirrhosis, 2 species can be used to treat brain haemorrhage. 3 species are recorded in Vietnam Red Data Book (part 2. Plants. 2007); 1 species is in Endangered criteria (EN) and 2 species are in Vulnerable criteria (VU).